

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định cơ quan kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp,
nước sinh hoạt nông thôn và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất,
kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm
và quản lý đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Điều 5 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Căn cứ Điều 13 Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cơ quan kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Cơ quan quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

Điều 2. Cơ quan kiểm tra

1. Cơ quan thực hiện công tác kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm các đơn vị sau:

STT	Cơ quan kiểm tra	Kiểm tra đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn
a	Chi cục Thủy sản	Cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản
		Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản
b	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản
		Cơ sở kinh doanh thức ăn thủy sản
		Cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi
		Cơ sở kinh doanh thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật

		dùng trong thú y, thú y thủy sản
c	Chi cục Kiểm lâm	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp
d	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm
		Cơ sở kinh doanh phân bón hữu cơ và phân bón khác
		Cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
		Cơ sở sản xuất, kinh doanh hạt giống cây trồng nông nghiệp
đ	Chi cục Thủy lợi	Thực hiện kiểm tra nội kiểm cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt nông thôn

2. Cơ quan thực hiện công tác kiểm tra, chứng nhận điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản là cơ quan chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm các đơn vị sau:

STT	Cơ quan kiểm tra, chứng nhận điều kiện an toàn thực phẩm	Kiểm tra, chứng nhận điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản
a	Chi cục Thủy sản	Cơ sở nuôi trồng thủy sản Tàu cá
b	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Trang trại chăn nuôi gia cầm, lợn và bò sữa
		Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm
		Cơ sở giết mổ, sơ chế độc lập không có hoạt động chế biến như giò, chả, thịt hộp, hàng khô, hun khói, ướp muối
		Cơ sở kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật
c	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cơ sở sơ chế rau, quả và hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt
		Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc thực vật
d	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	Chợ cá
		Cơ sở thu mua thủy sản
		Cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cơ sở quy mô nhỏ lẻ
		Cơ sở sản xuất nước mắm, sản phẩm dạng mắm đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cơ sở quy mô nhỏ lẻ
		Cơ sở sản xuất thủy sản khô đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cơ sở quy mô nhỏ lẻ
		Cơ sở sản xuất đồ hộp thủy sản
		Cơ sở sản xuất rau, quả
		Cơ sở sơ chế rau, quả độc lập không gắn liền với cơ sở trồng trọt
		Cơ sở chế biến rau, quả
		Cơ sở chế biến chè
		Cơ sở chế biến điều

	Cơ sở chế biến cà phê nhân, cà phê rang, cà phê rang xay, cà phê bột và cà phê hòa tan
	Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản nông thủy sản thực phẩm
	Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc động vật và thủy sản
	Cơ sở thu gom, sơ chế, giết mổ và hoạt động chế biến nông lâm thủy sản
	Cơ sở kinh doanh nông lâm thủy sản
	Kho lạnh bảo quản sản phẩm nông lâm thủy sản
	Cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm thực phẩm nông lâm thủy sản và gắn liền cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản

Điều 3. Cơ quan quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ

Cơ quan quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ là Phòng Kinh tế quận, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, đối tượng quản lý như sau:

STT	Loại hình và quy mô quản lý cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ
1	Đối với lĩnh vực trồng trọt
a	Cơ sở trồng trọt có quy mô từ 1.000 m ² trở lên
b	Cơ sở trồng trọt có quy mô dưới 1.000 m ² , chỉ thực hiện cam kết và kiểm tra việc thực hiện cam kết khi cơ sở có yêu cầu để phục vụ cho việc lưu thông hàng hóa trên thị trường
2	Đối với lĩnh vực chăn nuôi
a	Cơ sở chăn nuôi có quy mô đàn từ 100 con đối với gia cầm trở lên; heo thịt 20 con; trâu, bò 05 con; dê, cừu 10 con; thỏ 50 con trở lên
b	Cơ sở chăn nuôi có quy mô đàn dưới 100 con đối với gia cầm; heo thịt dưới 20 con; trâu, bò dưới 05 con; dê, cừu dưới 10 con, thỏ dưới 50 con, chỉ thực hiện cam kết và kiểm tra việc thực hiện cam kết khi cơ sở có yêu cầu để phục vụ cho việc lưu thông hàng hóa trên thị trường
3	Đối với lĩnh vực nuôi trồng thủy sản
	Cơ sở nuôi trồng thủy sản ban đầu nhỏ lẻ, cơ sở nuôi lồng, bè đặt trên sông và cơ sở nuôi trên bể, vèo, mùng đặt trong ao có cung cấp sản phẩm ra thị trường
4	Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh muối ban đầu nhỏ lẻ

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2017.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Võ Thành Thống